

Bản án số: 11/2025/DS-ST

Ngày: 07/5/2025

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bạc Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Cao Thị Hồng Minh
2. Bà Nguyễn Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Ông Lương Văn Đ - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 31/2024/TLST- DS ngày 19 tháng 11 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2025/QĐXX-ST ngày 16 tháng 4 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2025/QĐST-DS ngày 25/4/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Đinh Đăng S, sinh năm 1979; Nơi ĐKKHKT: số nhà 99, tổ 02, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (có mặt).

2. Bị đơn: bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1992; Địa chỉ: số nhà 706, Tổ 2, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Đinh Đăng S trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết bạn bè từ trước nên ngày 15/03/2024, ông S có cho bà Nguyễn Thị H vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay là 10 ngày, hẹn trả nợ ngày 25/3/2024, việc vay tiền được các bên lập thành biên bản, có đầy đủ chữ ký của cả 2 bên giữa tôi và bà H có sao kê tài khoản nhận tiền 50.000.000đ của bà Nguyễn Thị H do tôi (Sơn) chuyển tiền. Nhưng quá thời hạn vay tôi (S) đã đến nhà đòi rất nhiều lần bà H cố tình không trả do vậy tôi làm đơn yêu cầu bà H trả số tiền 50.000.000 đồng gốc đã vay và tính lãi 10%/năm đối với số tiền gốc đã vay từ thời điểm 26/3/2024 đến 26/9/2024 (6 tháng) là 2.500.000đ. Tổng cả gốc và lãi buộc bà H phải trả 52.500.000đ.

2. Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Nguyễn Thị H trình bày:

Ngày 15/03/2024 anh S có chuyển tiền vào tài khoản của tôi (H) số tiền 50.000.000đ để trả khoản nợ Ngân hàng, sau đó bắt tôi viết giấy vay tiền ký tên H văn bản lập ngày 15/03/2024. Mấy ngày sau khoảng ngày 20/03/2024 có tất toán khoản vay của vợ chồng tôi ở ngân hàng mà anh S làm giám đốc chi nhánh trong đó có hứa sẽ giảm lãi cho vợ chồng tôi là 50.000.000đ. Nhưng sau khi vợ chồng tôi có trả hết tiền gốc và lãi vào ngân hàng đối với khoản vay trước đó mà anh S làm giám đốc chi nhánh thì anh S lại bắt tôi ký vào giấy vay tiền lấy 50.000.000đ. Anh S có nói là sau khi tất toán khoản vay của ngân hàng thì ngân hàng sẽ trừ số tiền lãi là gần 50.000.000đ cho vợ chồng tôi tại ngân hàng, nhưng ngân hàng và anh S đã không trừ khoản lãi như thoả thuận với chúng tôi. Ngân hàng và anh S lật lọng do vậy tôi sẽ trừ số tiền 50.000.000đ anh S chuyển vào tài khoản tôi sang ngang cho anh S, cho dù anh S có đòi và kiện tôi lên Tòa án tôi cũng sẽ nhất định không trả do anh S và ngân hàng đã lật lọng gian dối. Bản thân anh S đã không thực hiện cam kết như đã thỏa thuận và đã hứa với cả vợ chồng tôi. Ngoài ra tôi không ý kiến gì thêm. Bản thân tôi do bận công việc nên không thể đến Tòa tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, do vậy tôi xin vắng tại các buổi hòa giải xét xử của Tòa, đề nghị Tòa xem xét.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Huyền có đơn xin xét xử vắng mặt do vậy HĐXX căn cứ Khoản 1 Điều 227/BLTTDS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về Tố tụng: Bị đơn có nơi cư trú tại tổ 2, phường T, thành phố Đ, tỉnh Đ do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39/BLTTDS

- Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án nhân dân thành phố Đ đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 177/BLTTDS, việc bà Huyền không thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70;72/BLTTDS là do bà Huyền đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình, có đơn xin xét xử vắng mặt cho nên căn cứ khoản 1 Điều 227/BLTTDS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông S yêu cầu bà H phải trả số tiền 50.000.000 đồng gốc đã vay và tính lãi 10%/năm đối với số tiền gốc đã vay từ thời điểm 26/3/2024 đến 26/9/2024 (6 tháng) là 2.500.000đ. Tổng cả gốc và lãi buộc bà H phải trả 52.500.000đ.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án HĐXX xét thấy việc vay nợ giữa ông S và bà H là có thật, bản cam kết trả nợ cùng giấy vay nợ do chính bà Huyền và ông Sơn lập ngày 15/03/2024 và ngày hẹn ngày 25/03/2024 có chữ ký của ông S và bà H được ký kết trên cơ sở tự nguyện, bằng bản viết tay do chữ viết của bà H lập.

- Căn cứ bản tự khai của bà H thừa nhận việc ông S cho vay tiền và cho rằng ông S có bắt bà viết giấy vay tiền. Bà H thừa nhận có vay và nhận tiền từ ông S qua

tài khoản ông S chuyển vào tài khoản bà Nguyễn Thị H theo số: 0928278666 ngày 15/03/2024 tại ngân hàng MB (ngân hàng TMCP quân đội). Nhưng bà cho rằng đó là ông S có nói là sau khi tất toán khoản vay trước đó của vợ chồng bà tại ngân hàng thì ngân hàng sẽ trừ số tiền lãi là gần 50.000.000đ cho vợ chồng bà, nhưng ngân hàng và ông S đã không trừ khoản lãi như thoả thuận nên bà sẽ không trả số tiền trên, nhưng bà H lại không cung cấp được cho Tòa bất cứ tài liệu chứng cứ nào về thoả thuận trên.

Xét văn bản vay tiền lập ngày 15/03/2024 giữa ông S và bà H là không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên. Quá trình thực hiện hợp đồng, khi đến thời hạn trả nợ, bà H không trả nợ cho ông S. Do vậy ông S có quyền khởi kiện.

Theo quan điểm bà H là không có ý định trả khoản nợ này và sẽ trừ sang ngang khoản nợ với ông S, nhưng lại không cung cấp hay xuất trình được bằng chứng cho Tòa. Do vậy ông S khởi kiện đòi số tiền gốc 50.000.000đ là có căn cứ; ông S yêu cầu tính lãi 10%/năm đối với số tiền gốc đã vay từ thời điểm 26/3/2024 đến 26/9/2024 (6 tháng) là 2.500.000đ căn cứ khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468/BLDS HĐXX chấp nhận.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ với ông S. Quá trình giải quyết vụ án bà H đã không đến Tòa để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, bà có đơn xin vắng tại các buổi làm việc do bà đã tự từ bỏ quyền của mình nên HĐXX căn cứ theo quy định pháp luật buộc bà H phải có nghĩa vụ trả nợ đối với ông S là 52.500.000đ. (cả gốc và lãi)

[3]. Về án phí: Áp dụng Điều 147/BLTTDS, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228/ Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 275, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Đăng Sơn

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho ông Đinh Đăng S tổng số tiền: 52.500.000 đồng (*năm mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền gốc và lãi.

2. Kể từ ngày ông Đinh Đăng S có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà H không tự nguyện thi hành án đối với khoản tiền gốc và lãi thì bà H phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 147 BLTTDS, khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án bà Nguyễn Thị H phải chịu 2.625.000đồng (*hai triệu sáu trăm hai mươi năm nghìn đồng*)($52.500.000đ \times 5\%$) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Trả lại cho ông Đinh Đăng S 1.300.000đồng (*một triệu ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đã nộp theo biên lai số số 0001078 ngày 14/11/2024, tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, Điều 273/BLTTDS, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (07/05/2025), đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND thành phố Đ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS thành phố Đ;
- Tòa án tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bạc Thị Liên

